TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2022
V/v: Ly hôn giữa chị P và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Vương Thị Minh Tân.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-01-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lại Minh P, sinh năm 1971; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 108 khu 3 tầng số 9 đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Kim T, sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 79/192 đường L, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị P và anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lại Minh P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Kim T có thời gian tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr, thành phố N Định năm 1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống bình thường sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn âm ỉ kéo dài. Do mâu thuẫn trầm

trọng, không có tiếng nói chung nên hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02/2021 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Hoàng Kim T.

- Về con chung: Chị Lại Minh P xác nhận vợ chồng có hai con chung là Hoàng Phương Th, sinh năm 1995 và Hoàng Duy Ph, sinh năm 2002. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Lại Minh P xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Hoàng Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Lại Minh P trình bày là đúng. Anh vẫn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Anh xác nhận hai bên đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Nay chị P xin ly hôn, anh không nhất trí.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Hoàng Phương Th, sinh năm 1995 và Hoàng Duy Ph, sinh năm 2002. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành nên anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận về tài sản khi giải quyết ly hôn. Nếu không thỏa thuận được thì anh sẽ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã yêu cầu anh T làm đơn nêu rõ yêu cầu giải quyết cụ thể về công nợ và tài sản chung của vợ chồng đồng thời cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để Toà án có cơ sở giải quyết vụ án. Hết thời hạn quy định, anh T không đến làm việc và không thực hiện các nội dung yêu cầu của Tòa án.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ, chính quyền địa phương nơi chị P và anh T cư trú xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng chị P và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không biết được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào chỉ biết hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Vợ chồng chị P và anh T có hai con chung là Hoàng Phương Th, sinh năm 1995 và Hoàng Duy Ph, sinh năm 2002. Nay chị P có đơn giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án hòa giải hai bên, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã tham gia tố tụng và được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Lại Minh P và anh Hoàng Kim T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Lại Minh P không yêu cầu giải quyết. Anh T không thực hiện các nội dung yêu cầu của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 72, Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

Về án phí: Chị Lại Minh P phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lại Minh P và anh Hoàng Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố N năm 1994 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng chị P và anh T không tìm biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm mà lại chọn giải pháp sống ly thân mỗi người một nơi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải tạo điều kiện cho hai bên khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng chị P vẫn cương quyết xin ly hôn, còn anh T không đến tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị P với anh T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xử ly hôn giữa chị P và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Lại Minh P và anh Hoàng Kim T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Lại Minh P không yêu cầu giải quyết. Anh Hoàng Kim T không làm đơn, không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến đề nghị giải quyết tài sản, công nợ của vợ chồng theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lại Minh P là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH14 ngày 30-6-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lại Minh P và anh Hoàng Kim T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lại Minh P phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chị Lại Minh P đã nộp theo biên lai số 0005080 ngày 09-12-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lại Minh P và anh Hoàng Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường Tr;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng